

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1371/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/9/2024

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Liên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Trần Thị Kim Anh

2. Nguyễn Kim Long

- *Thư ký phiên tòa:* bà Lê Thị Kim Cương – Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân:* bà Từ Ngọc Hòa – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 112/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2024 về “Ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 570/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 479/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* ông Nguyễn H P sinh năm 19xx; Thường trú: số kkk đường K, phường A, quận B, Thành phố H; Tạm trú: số lll đường H, phường A, quận B, Thành phố H (ông Nguyễn H P có đơn xin vắng mặt).

2. *Bị đơn:* bà Trịnh T R, sinh năm 19xx; Thường trú: số kkk đường K, phường A, quận B, Thành phố H; Tạm trú: số lll đường H, phường A, quận B, Thành phố H (bà Trịnh T R vắng mặt không rõ lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của ông Nguyễn H P cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Ông Nguyễn H P và bà Trịnh T R tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 26/9/20xx tại Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, Thành phố H và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 2xx, quyển số 02/20xx.

Trong quá trình chung sống cùng nhau hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do hai bên tính tình không hợp, không cùng quan điểm về việc nuôi dạy con cái, tiền bạc và các vấn đề trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cũng như các mối quan hệ xã hội nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Nay ông Nguyễn H P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài nên làm đơn khởi kiện với yêu cầu như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: ông Nguyễn H P yêu cầu được ly hôn với bà Trịnh T R.

- *Về con chung*: ông Nguyễn H P và bà Trịnh T R có 03 (ba) con chung tên Nguyễn P A, sinh ngày 03/4/20xx; Nguyễn K V, sinh ngày 15/01/20xx và Nguyễn K N, sinh ngày 19/12/20xx.

Hai con chung tên Nguyễn P A, sinh ngày 03/4/20xx và Nguyễn K V, sinh ngày 15/01/20 đã thành niên, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Đối với trẻ Nguyễn K N, sinh ngày 19/12/20xx – ông Nguyễn H P đồng ý để bà Trịnh T R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: ông Nguyễn H P đồng ý cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn K N số tiền 6,000,000 (sáu triệu) đồng/tháng.

- *Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác*: ông Nguyễn H P tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trước khi mở phiên tòa, nguyên đơn là ông Nguyễn H P có đơn xin vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu, ý kiến như tại đơn khởi kiện, bản tự khai và các buổi làm việc tại Tòa án.

Bị đơn là bà Trịnh T R đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt không rõ lý do trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa; cũng không cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để phản đối yêu cầu của nguyên đơn.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận:

- *Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử*: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự, như: Thụ lý và giải quyết vụ kiện đúng thẩm quyền; Xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng; Tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; Thông báo và tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự đúng quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự. Giao quyết định đưa vụ án ra xét xử, hồ sơ cho Viện Kiểm sát đúng thời hạn quy định.

- *Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án:* Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do từ khi thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm.

- *Về nội dung:* Nhận thấy, quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn H P và bà Trịnh T R là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống cùng nhau hai bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân chứng tỏ hôn nhân không hạnh phúc. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn H P.

Về con chung: ông Nguyễn Hữu Phúc và bà Trịnh T R có 03 (ba) con chung tên Nguyễn P A, sinh ngày 03/4/20xx; Nguyễn K V, sinh ngày 15/01/20xx và Nguyễn K N, sinh ngày 19/12/20xx. Hai con chung tên Nguyễn P A, sinh ngày 03/4/2004 và Nguyễn K V, sinh ngày 15/01/20xx đã thành niên, ông Nguyễn H P không yêu cầu xem xét giải quyết nên không xét; đề nghị Hội đồng xét xử chấp thuận đề nghị giao trẻ Nguyễn K N, sinh ngày 19/12/20xx cho bà Trịnh T R trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận ông Nguyễn H P tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn K N số tiền 6,000,000 (sáu triệu) đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ dân sự khác: ông Nguyễn H P tự khai không có, bà Trịnh T R không có ý kiến nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật:* Xét đơn xin ly hôn của ông Nguyễn Hữu Phúc, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”; bị đơn là bà Trịnh T R có nơi cư trú tại số III đường H, phường A, quận B, Thành phố H. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* ông Nguyễn H P có đơn xin vắng mặt; bà Trịnh T R mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của ông Nguyễn H P, thấy rằng: theo lời trình bày của ông Nguyễn H P thì quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn H P và bà Trịnh T R đã có mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do hai bên tính tình không hợp, không cùng quan điểm về việc nuôi dạy con cái, tiền bạc và các vấn đề trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày cũng như các mối quan hệ xã hội nên hai bên đã sống ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Ngoài ra, từ khi thụ lý đơn xin ly hôn của ông Nguyễn H P cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã nhiều lần triệu tập để bà Trịnh T R thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho hai bên giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm nhưng bị đơn vắng mặt, điều đó thể hiện bị đơn không có thiện chí hòa giải, hàn gắn quan hệ hôn nhân. Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp thuận yêu cầu ly hôn của ông Nguyễn Hữu Phúc.

[3.2] Về con chung: ông Nguyễn H P và bà Trịnh T R có 03 (ba) con chung tên Nguyễn P A, sinh ngày 03/4/20xx; Nguyễn K V, sinh ngày 15/01/20xx và Nguyễn K N, sinh ngày 19/12/20xx.

Xét, hai con chung tên Nguyễn P A, sinh ngày 03/4/20xx và Nguyễn K V, sinh ngày 15/01/20xx đã thành niên và có khả năng lao động, ông Nguyễn H P không yêu cầu xem xét giải quyết, bà Trịnh T R không có ý kiến nên Hội đồng xét xử không xét.

Đối với trẻ Nguyễn K N, sinh ngày 19/12/20xx – từ khi hai bên sống ly thân cho đến nay, trẻ Nguyễn K N được bà Trịnh T R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; nay ông Nguyễn H P đồng ý giao cho bà Trịnh T R trực tiếp nuôi dưỡng, bà Trịnh T R không có ý kiến nên Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn K N cho bà Trịnh T R tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận ông Nguyễn H P tự nguyện cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn K N 6,000,000 (sáu triệu) đồng/tháng.

[3.4] Về tài sản chung, nợ chung: ông Nguyễn H P tự khai không có, bà Trịnh T R không có ý kiến và không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về án phí: ông Nguyễn H P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp quy định pháp luật nên thống nhất.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 2 Điều 92, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều

227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

- Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của ông Nguyễn H P đối với bà Trịnh T R.

- *Về quan hệ hôn nhân*: ông Nguyễn H P được ly hôn với bà Trịnh T R (Giấy chứng nhận kết hôn số 24x quyền số 02/20xx ngày 26/9/20xx do Ủy ban nhân dân thị trấn A, huyện B, Thành phố H cấp cho ông Nguyễn H P và bà Trịnh T R không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật).

- *Về con chung*: có 03 con chung tên Nguyễn P A, sinh ngày 03/4/20xx; Nguyễn K V, sinh ngày 15/01/20xx; Nguyễn K N, sinh ngày 19/12/20xx. Con chung là Nguyễn P A và Nguyễn K V đã thành niên, có khả năng lao động nên không xét. Giao trẻ Nguyễn K N, sinh ngày 19/12/20xx cho bà Trịnh T R trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: ông Nguyễn H P cấp dưỡng nuôi trẻ Nguyễn K N (sinh ngày 19/12/2011) số tiền 6,000,000 (sáu triệu) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 10/10/2024 cho đến khi phát sinh căn cứ chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Trịnh T R, nếu ông Nguyễn H P không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền cấp dưỡng thì ông P còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha mẹ đều có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con. Trong trường hợp do yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: ông Nguyễn H P tự khai không có, bà Trịnh T R không có ý kiến, không có ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: ông Nguyễn H P chịu 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ

thẩm về cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0011078 ngày 24/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn H P phải nộp thêm 300,000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND Q. Bình Tân;
- TAND TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Bình Tân;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hồng Liên